Dhammapada Sutta (26)

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

dhp_ev 24

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

XXIV- Tanhavagga

Craving Phẩm Tham ái

334. As creeping ivy craving grows

in one living carelessly.

Like this, one leaps from life to life

as ape in the forest seeking fruit. 334. Người sống đời phóng dật,

Ái tăng như dây leo.

Nhảy đời này đời khác,

Như vượn tham quả rừng.

335. Whomsoever in this world

this wretched clinging craving routs

for such a one do sorrows grow

as grass well-soaked with rain. 335. Ai sống trong đời này,

Bị ái dục buộc ràng

Sầu khổ sẽ tăng trưởng,

Như cỏ Bi gặp mưa.

336. But whoever in this world

routs wretched craving hard to quell,
from such a one do sorrows fall
like water drops from lotus leaf. 336. Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen.
337. Prosperity to you, I say,
to all assembled here!
When needing grass's fragrant root
so craving extirpate.
Don't let Mara break you again,
again as a torrent a reed! 337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhổ tận gốc ái
Như nhổ gốc cỏ Bi.
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.
338. As tree though felled shoots up again
it its roots are safe and firm
so this dukkha grows again
while latent craving's unremoved. 338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền
Ái tùy miên chưa nhổ,
Khổ này vẫn sanh hoài.
339. For whom the six and thirty streams
so forceful flow to seemings sweet
floods of thought that spring from lust
sweep off such wrong viewholder. 339. Ba mươi sáu dòng ái [1] ,
Trôi người đến khả ái.
Các tư tưởng tham ái.

Cuốn trôi người tà kiến.

340. Everywhere these streams are swirling,

up-bursting creepers rooted firm.

Seeing the craving-creeper there

with wisdom cut its root! 340. Dòng ái dục chảy khắp,

Như giây leo mọc tràn,

Thấy giây leo vừa sanh,

Với tuệ, hãy đoạn gốc.

341. To beings there are pleasures streaming

sticky with desire,

steeped in comfort, happiness seeking,

such ones do come to birth, decay. 341. Người đời nhớ ái dục,

Ưa thích các hỷ lạc.

Tuy mong cầu an lạc,

Chúng vẫn phải sanh già.

342. Who follow craving are assailed,

they tremble as the hare ensnared,

held fast by fetter and by bonds

so long they come to dukkha again. 342. Người bị ái buộc ràng,

Vùng vẫy và hoảng sợ,

Như thỏ bị sa lưới.

Chúng sanh ái trói buộc,

Chịu khổ đau dài dài.

343. Who follow craving are assailed,

they tremble as the hare ensnared,

so let a bhikkhu craving quell

whose aim is passionlessness. 343. Người bị ái buộc ràng,

Vùng vẫy và hoảng sợ,

Như thỏ bị sa lưới.

Do vậy vị tỷ kheo,

Mong cầu mình ly tham

Nên nhiếp phục ái dục.

344. Who without woodness inclines to the wood.

free in the wood to woodness returns.

Do now regard that person well

who free returns to fetter. 344. Lìa rừng lại hướng rừng [2]

Thoát rừng chạy theo rừng.

Nên xem người như vậy,

Được thoát khỏi buộc ràng.

Lại chạy theo ràng buộc.

345. Neither of iron nor wood nor hemp

is bond so strong, proclaim the wise,

as passion's yearn for sons, for wives,

for gems and ornaments. 345. Sắt, cây, gai trói buộc

Người trí xem chưa bền.

Tham châu báu, trang sức

Tham vọng vợ và con.

346. That bond is strong, proclaim the wise,

down-dragging, pliable, hard to loose.

This passion severed, they wander forth

forsaking sensual pleasures. 346. Người có trí nói rằng:

Trói buộc này thật bền.

Trì kéo xuống, lún xuống,

Nhưng thật sự khó thoát.

Người trí cắt trừ nó,

Bỏ dục lạc, không màng.

347. Ensnared in passion back they fall

as spider on a self-spun web.

This passion severed, wander the wise

forsaking dukkha all. 347. Người đắm say ái dục

Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.
348. Let go before, let go the after,
let go the middle, beyond the becoming.
With mind released in every way
you'll come no more to birth, decay. 348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng tại sanh già.
349. For one who's crushed by thinking much
excessive lust from beauty's sight,
for that one craving grows the more,
that one makes strong the bonds. 349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.
350. But who delights in subduing evil thoughts,
meditates on the impurities with mindfulness,
that one indeed will make an End,
and will sever Mara's bonds. 350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.
351. One who's fearless, reached the End,
of craving and of blemish free,
who has becoming's thorn plucked out,
has this, a final body. 351. Ai tới đích không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô

Nhổ mũi tên sanh tử,

Thân này thân cuối cùng.

352. One of clinging-craving free,

who's skilled in way of chanting,

knowing the wording-sequence,

of what precedes and follows,

possessed of final body,

one greatly wise, "Great Person"'s called. 352. Ái lìa, không chấp thủ.

Cú pháp khéo biện tài

Thấu suốt từ vô ngại,

Hiểu thứ lớp trước sau.

Thân này thân cuối cùng

Vị như vậy được gọi,

Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Beyond all beings, wise to all,

unsoiled by dhammas all am I,

left all and freed by craving's end,

by self I've known, whom teacher call? 353. Ta hàng phục tất cả,

Ta rõ biết tất cả,

Không bị nhiễm pháp nào.

Ta từ bỏ tất cả

Ái diệt, tự giải thoát.

Đã tự mình thắng trí,

Ta gọi ai thầy ta?

354. Gift of Dhamma surpasses all gifts,

the Dhamma, its taste all other tastes beats,

delight in the Dhamma bests other delights,

destruction of craving conquers all ill. 354. Pháp thí, thắng mọi thí!

Pháp vị, thắng mọi vị!

Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!

Ái diệt, thắng mọi khổ!

355. Riches ruin a foolish one
but not one seeking the Further Shore,
craving for wealth a foolish one
is ruined as if ruining others. 355. Tài sản hại người ngu.
Không người tìm bờ kia
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Weeds are a fault of fields,
lust's a human fault,
thus offerings to the lustless
bear abundant fruit. 356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời.
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Weeds are a fault of fields,
hate's a human fault,
hence offerings to the hateless
bear abundant fruit. 357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời.
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Weed are the fault of fields,
delusion, human's faults,
so gifts to the undeluded
bear abundant fruit. 358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Weed are the fault of fields,

desire, human's faults,

so gifts to the desireless

bear abundant fruit. 359. Cỏ làm hại ruộng vườn,

Dục làm hại người đời.

Bố thí người ly dục,

Do vậy được quả lớn.

Chú thích:

[1] tham ái có 3 loại: dục lạc, chấp hữu, chấp phi hữu; kết hợp với 6 căn và 6 trần thành 36 dòng ái

[2] Lìa ái dục gia đình, lại chạy theo khổ hạnh ở rừng núi

[Phẩm trước][Mục lục][Phẩm kế]

[Thư mục Việt ngữ] [Buddhasasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.